TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/01/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Vũ Thị Dung**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 399/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L**,** sinh ngày 22/6/1986,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm B, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

Người được chị L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số nhà I N, khu G, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đức M **(**Phạm Văn G**),** sinh ngày 01/8/1984,

Địa chỉ: Xóm B, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị* Hoàng Thị L *trình bày:* Chị và anh Phạm Đức M (Phạm Văn G) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 31/12/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau nên vợ chồng luôn cãi vã, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân gần 07 năm, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, có líu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức M (Phạm Văn G).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công V, sinh ngày 08/6/2008 và Phạm Thị Như Q, sinh ngày 21/8/2010, các con đang ở với anh M (Giỏi) và bà nội là Đàm Thị T1. Hiện tại chị đang lao động tại Đài Loan nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh M (G) chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị L đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai anh* Phạm Đức M *(*Phạm Văn G*) trình bày:* Anh và chị Hoàng Thị L có quan hệ hôn nhân như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì cùng đi lao động tại Đài Loan, thời gian ở Đài Loan vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau. Năm 2018 anh về nước còn chị L vẫn ở lại Đài Loan. Tháng 10/2022, anh vi phạm pháp luật nên bị tạm giữ vợ chồng không liên lạc được với nhau. Năm 2023 sau khi xét xử sơ thẩm anh được tại ngoại, anh có liên lạc với chị L nhưng chị L lấy nhiều lý do, tránh né không liên lạc với anh. Mặc dù không mong muốn ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân chị L chưa về nước, vợ chồng sống xa cách thời gian dài nên tình cảm cũng nhạt dần. Anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc, chị L cương quyết xin ly hôn nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Anh M (G) xác định vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày là đúng. Anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và nhất trí việc chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung

là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đàm Thị T1 là mẹ đẻ anh M (G) trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bà đến năm 2014 thì vợ chồng cùng đi lao động tại Đài Loan. Từ khi đi đến nay chị L chưa về nước, anh G về nước từ năm 2018, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi từ đó cho đến nay. Thời gian đầu chị L có liên lạc với gia đình bà, thời gian gần đây chị L không liên lạc nữa. Nay chị L có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người được chị L *ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị* Nguyễn Thị T *trình bày:* Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị L biết, chị L vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn chị đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị L, anh M (G) là cháu Phạm Công V và Phạm Thị Như Q đều có nguyện vọng được ở với anh M (Giỏi).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L ly hôn anh Phạm Đức M (Phạm Văn G). Về con chung: Giao hai con chung Phạm Công V và Phạm Thị Như Q cho anh M (Giỏi) trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại xóm B, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Hiện chị đang lao

động, sinh sống tại Đài Loan. Bị đơn anh Phạm Đức M (Phạm Văn G) có địa chỉ tại xóm B, thôn Đ, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị L không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho chị Nguyễn Thị T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được Văn phòng K tại Đ chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Phạm Đức M (Phạm Văn G) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G (nay là thành phố H), tỉnh Hải Dương ngày 31/12/2007 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì cùng đi lao động tại Đài Loan đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng và thường xảy ra cãi vã. Năm 2018 anh M (Giỏi) về nước, chị L vẫn lao động ở Đài Loan, vợ chồng sống xa cách từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh M (Giỏi) xác định anh cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng, anh chị sống xa cách trong thời gian dài nên tình cảm vợ chồng phai nhạt và không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh M (G) đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L ly hôn anh M (Giỏi).

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh M (G) có hai con chung là Phạm Công V, sinh ngày 08/6/2008 và Phạm Thị Như Q, sinh ngày 21/8/2010, hiện các con đang ở với anh M (Giỏi). Chị L và anh M (G) thống nhất giao con chung cho anh M (Giỏi) chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung Phạm Công V và Phạm Thị Như Q có nguyện vọng được ở với anh M (Giỏi). Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao các con chung cho anh M (Giỏi) chăm sóc nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền mỗi con chung là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh M (Giỏi) cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L ly hôn anh Phạm Đức M (Phạm Văn G).

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Phạm Đức M (Phạm Văn G) tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Công V, sinh ngày 08/6/2008 và Phạm Thị Như Q, sinh ngày 21/8/2010 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con chung là 1.800.000đ/tháng, cả hai con là 3.600.000đ/tháng kể từ tháng 02/2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh M *(Giỏi) có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* L *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số AA/2023/0000495 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Nguyễn Thị T nộp thay). Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Đức M (Phạm Văn G) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Liên Hồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường